

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và Lí thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Dương Minh Thành

2. Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

184/11 đường Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): TS. Dương Minh Thành, Phòng A310, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: không có; Điện thoại di động: 0908453764;

E-mail: thanhmi@hcmue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/2002 đến 8/2014: Giảng viên, Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

Từ 8/2014 đến 8/2015: Phó Trưởng khoa, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Từ 8/2015 đến nay: Trưởng khoa, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Từ 4/2018 đến nay: Trưởng bộ môn Toán và Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Từ 4/2018 đến nay: Giảng viên chính (hạng II) mã số V.07.01.02.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: 280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 02838352020

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 8 năm 2002, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 05 năm 2007, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học và Tô pô

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 03 năm 2012, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lí thuyết số

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Dijon (nay là Đại học Bourgogne), Pháp

- Được cấp bằng TSKH: Không có

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Không có

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đại số Lie: phân loại đại số Lie và siêu đại số Lie, biểu diễn nhóm Lie và đại số Lie, đối đồng điều đại số Lie và siêu đại số Lie.

- Đại số được trang bị một dạng song tuyến tính đối xứng không suy biến.

- Giáo dục Toán học: Cơ sở toán học ở tiểu học, lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (chương trình, tích hợp trong dạy học toán, khó khăn và sai lầm của học sinh ...).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS: Không có

- Đã hướng dẫn (số lượng) **10** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành (số lượng) **03** đề tài NCKH cấp cơ sở, **01** đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) **24** bài báo KH, trong đó

- **04** bài báo ISI (SCIE)
- **01** bài báo SCOPUS
- **04** bài trên tạp chí quốc tế
- **12** bài báo trên tạp chí quốc gia
- **02** bài báo trên kỷ yếu hội thảo quốc tế
- **01** bài báo trên kỷ yếu hội thảo quốc gia

- Đã được cấp (số lượng) bằng chế, giải pháp hữu ích: Không có

- Số lượng sách đã xuất bản: **02**, trong đó ... thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia,

quốc tế: Không có

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

- 1) A New Invariant of Quadratic Lie Algebras, Duong Minh Thanh, Georges Pinczon, Rosane Ushirobira, *Algebras and Representation Theory* 15(6), pp 1163–1203, 2012, tạp chí ISI (SCIE); IF 0.682, trích dẫn 16 lần, trong đó trích dẫn bởi các bài báo quốc tế ISI và Scopus 08 lần.
- 2) Two-Step Nilpotent Quadratic Lie Algebras and 8-Dimensional Non-commutative Symmetric Novikov Algebras, Duong Minh Thanh, *Vietnam Journal of Mathematics* 41(2), pp 135 - 148, 2013, tạp chí Scopus, trích dẫn 02 lần.
- 3) Singular quadratic Lie superalgebras, Duong Minh Thanh, Rosane Ushirobira, *Journal of Algebra* 407, pp 372-412, 2014, tạp chí ISI (SCIE), IF: 0.666, trích dẫn 4 lần, trong đó trích dẫn bởi các bài báo quốc tế ISI và Scopus 02 lần.
- 4) A classification of solvable quadratic and odd quadratic lie superalgebras in low dimensions, Duong Minh Thanh, *Revista de la Union Matematica Argentina* 55 (1), pp 119-138, 2014, tạp chí ISI (SCIE), IF: 0.517, trích dẫn 01 lần, trong đó trích dẫn bởi các bài báo quốc tế ISI và Scopus 01 lần.
- 5) The Betti Numbers for a Family of Solvable Lie Algebras, Duong Minh Thanh, *Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society*, 40(2), pp 735 - 746, 2017, tạp chí ISI (SCIE), IF: 0.840, trích dẫn 01 lần.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 04 năm: 2013, 2014, 2015, 2016.
- Giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (giải Nhì năm 2012 - Quyết định số 5739/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2012 và giải Ba năm 2014 - Quyết định số 6087/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2014).
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ năm 2015.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo về phẩm chất và năng lực chuyên môn, thực hiện nghiêm túc và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Luật viên chức và những quy định pháp luật khác. Có khả năng giảng dạy tốt, truyền đạt dễ hiểu, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc, tận tâm trong hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên, đam mê với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực và bổ khuyết bản thân. Có đầy đủ sức khỏe để công tác và luôn ý thức nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần để chịu được áp lực cao trong công việc. Luôn thể hiện tinh thần cầu tiến, sự chính trực, trung thực, công tâm trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý. Có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; luôn tôn trọng nhân cách và phẩm giá của người học; đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Có khả năng hợp tác, làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm, phát huy được năng lực làm việc nhóm, giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các dự án. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý và tinh thần liêm chính của một viên chức nhà nước. Tích cực tham gia các hoạt động do đơn vị tổ chức. Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 14 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013					627,71	67,5	695,21
2	2013-2014					516,65	67,5	584,15
3	2014-2015					644,7	67,5	712,2
4	2015-2016		1x15 = 2x25 = 50 15	1x15 = 15		835,15	202,5	1117,65
3 năm học cuối								
5	2016-2017		1x15 = 3x25 = 75 15	1x15 = 15		202,2	303,75	610,95
6	2017-2018		1x15 = 2x25 = 50 15			514,2	202,5	781,7
7	2018-2019		1x15 = 3x25 = 75 15			314,5	33,75	438,25

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Pháp ngày 06/07/2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Trương Thị Thúy Ngân		X	X		3/2015 – 3/2016	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2016

2	Trần Thị Tố Trinh		X	X		3/2015 – 3/2016	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2016
3	Võ Thị Ái Trinh		X	X		3/2016 – 3/2017	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2017
4	Vũ Thị Thu Trang		X	X		3/2016 – 9/2017	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2017
5	Lê Đình Vinh		X	X		3/2016 – 3/2017	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2017
6	Đặng Ngọc Hân		X	X		2/2017 – 9/2018	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2018
7	Nguyễn Thị Ngọc Bích		X	X		2/2017 – 3/2018	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2018
8	Hà Thị Ngọc Phượng		X	X		1/2018 – 3/2019	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2019
9	Hồ Thị Thanh Lan		X	X		2/2018 - 3/2019	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2019
10	Nguyễn Phước Uyên		X	X		2/2018 – 3/2019	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Trước khi bảo vệ học vị TS: Không có

Sau khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Cơ sở Toán ở tiểu học 1	GT	NXB Trường Đại	3	CB	1098/QĐ-ĐHSP ngày 04/05/2016

			học Sư phạm TP.HCM			của Hiệu trưởng Trường ĐHSP TP.HCM
2	Sổ tay Toán tiểu học	TK	NXB Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	4	CB	2738/QĐ-ĐHSP ngày 04/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP TP.HCM

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): Không có

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Lượng tử hóa biến dạng và biểu diễn unita vô hạn chiều của một số MD5-nhóm (ĐT)	CN	CS.2008.19.23 Cấp trường	04/2008 – 04/2009	29/06/2009
2	Một lớp con các đại số Lie quadratic (ĐT)	CN	CS.2011.19.52 Cấp trường	04/2011 – 04/2012	14/03/2012
3	Đại số với một dạng song tuyến tính kết hợp không suy biến (ĐT)	CN	B.2013.19.07 Cấp Bộ	4/2013 – 4/2015	Cấp cơ sở: 05/09/2014 Cấp bộ: 09/03/2015
4	Phân loại các siêu đại số Lie toàn phương thấp chiều (ĐT)	CN	CS.2013.19.41 Cấp trường	4/2013 – 4/2014	15/05/2014

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Trước khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	The geometry of K-orbits of a subclass of MD5-groups and foliations formed by	2	Contributions in Mathematics & Applications, A special Vol. of		9	Special volume	169 - 184	2005

	their generic K-orbits		East-West J. Math.					
2	K-quỹ đạo lượng tử của MD5-nhóm	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM		0	12	83 - 98	2007
3	Lượng tử hóa biến dạng trên các quỹ đạo đối phụ hợp của một vài lớp nhóm Lie giải được 5 chiều	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM		0	18	87-102	2009

Sau khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
4	A new invariant of quadratic Lie algebras	3	Algebras and Representation Theory	ISI (SCIE) IF 0.682	16	15(6)	1163 - 1203	2012
5	Solvable quadratic Lie algebras in low dimensions	3	East-West Journal of Mathematics		5	14	83 - 98	2012
6	Two-step nilpotent quadratic Lie algebras and 8-dimensional non-commutative symmetric Novikov algebras	1	Vietnam Journal of Mathematics	Scopus	2	41(2)	135 - 148	2013
7	Nhóm đối đồng điều $H^2(g,C)$ của các đại số Lie toàn phương cơ bản	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM		0	47	25-36	2013
8	Some extensions from a quadratic Lie algebra	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM		0	51	5-15	2013
9	Singular quadratic Lie superalgebras	2	Journal of Algebra	ISI (SCIE) IF: 0.666	4	407	372-412	2014
10	A classification of solvable quadratic and odd quadratic Lie superalgebras in low dimensions	1	Revista de la Unión Matemática Argentina	ISI (SCIE) IF: 0.517	1	55(1)	119-138	2014
11	Khó khăn của học sinh tiểu học trong việc giải các bài toán có lời văn	1	Kỷ yếu HT quốc tế <i>Nhận biết, đánh giá và can thiệp trẻ có khuyết tật học tập</i>		0	NXB ĐHQG TP. HCM ISBN: 978 - 604 - 73 - 2945 - 8	246 - 252	2014

12	Bàn về một số yếu tố hình thành nên một chương trình khung quốc gia môn Toán	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	65	19 - 33	2014
13	Số Betti và không gian các đạo hàm phản xứng của các đại số Lie toàn phương giải được có số chiều ≤ 7	2	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	5(70)	100 - 110	2015
14	Ngành Giáo dục Tiểu học – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	4	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	6(71)	9 - 21	2015
15	Xây dựng chuẩn đầu ra cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	6(71)	147 - 152	2015
16	Cơ sở Toán học và yếu tố thực tiễn của một số kiến thức toán tiểu học	1	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	6(71)	97 - 106	2015
17	Xây dựng mô hình của một khoa đào tạo giáo viên tiểu học cho chương trình giáo dục phổ thông mới	1	Ki yếu Hội thảo Khoa học <i>Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục</i>	0	NXB ĐH Vinh ISBN 978 - 604 - 923 - 181 - 0	515 - 523	2015
18	Một số ý tưởng tích hợp trong dạy học Toán ở tiểu học	2	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	7(85)	28 - 40	2016
19	Les difficultés des élèves du primaire dans la résolution du problème « trouver x » et quelques solutions des instituteurs	2	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	11(89)	179 - 185	2016
20	Phân loại các siêu đại số Lie toàn phương giải được 8 chiều với phần chặn bất khả phân 6 chiều	2	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP.HCM	0	12(90)	21 - 33	2016
21	The second cohomology group of elementary quadratic Lie superalgebras	3	East-West Journal of Mathematics	0	19(1)	32 - 42	2017

22	The Betti Numbers for a Family of Solvable Lie Algebras	1	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	ISI (SCIE) IF: 0.840	1	40(2)	735 - 746	2017
23	Đào tạo giáo viên tiểu học giảng dạy chương trình tích hợp CLIL	1	Ki yếu HT Quốc tế Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm		0	NXB ĐHSP TP. HCM ISBN: 978-604-958-103-8	454 - 461	2017
24	Cohomology of some families of Lie algebras and quadratic Lie algebras	3	East-West Journal of Mathematics		0	20(2)		2018

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	A new invariant of quadratic Lie algebras	3	Algebras and Representation Theory	ISI (SCIE) IF 0.682	16	15(6)	1163 - 1203	2012
2	Two-step nilpotent quadratic Lie algebras and 8-dimensional non-commutative symmetric Novikov algebras	1	Vietnam Journal of Mathematics	Scopus	2	41(2)	135 - 148	2013
3	Singular quadratic Lie superalgebras	2	Journal of Algebra	ISI (SCIE) IF: 0.666	4	407	372 - 412	2014
4	A classification of solvable quadratic and odd quadratic Lie superalgebras in low dimensions	1	Revista de la Unión Matemática Argentina	ISI (SCIE) IF: 0.517	1	55(1)	119 - 138	2014
5	The Betti Numbers for a Family of Solvable Lie Algebras	1	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	ISI (SCIE) IF: 0.840	1	40(2)	735 - 746	2017

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

Giải Nhì Giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2012 - Quyết định số 5739/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2012.

Giải Ba Giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2014 - Quyết định số 6087/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2014.

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: Giải Nhì Giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2012 - Quyết định số 5739/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2012.

Giải Ba Giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2014 - Quyết định số 6087/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2014.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

- Thành viên Ban chương trình của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh xây dựng chuẩn đầu ra cho ngành sư phạm và ngoài sư phạm của Trường năm 2016 và phát triển chương trình nhà trường.

- Chủ trì việc xây dựng Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học năm 2016 và phát triển các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ của Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

- Trưởng nhóm Đề án *Xây dựng Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học chất lượng cao: Chương trình giáo dục song ngữ Việt - Anh và dạy tích hợp (Content & Language Intergrated Learning – CLIL)* của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

- Tham gia vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Hình học và Tô pô và chuyên ngành Đại số và Lí thuyết số.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Không có

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:

- Giờ chuẩn giảng dạy:

- Công trình khoa học đã công bố:

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

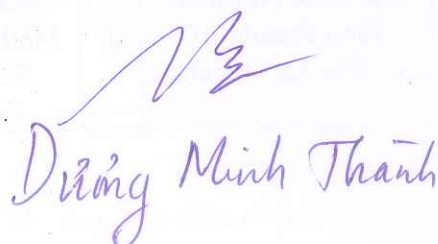
- Hướng dẫn NCS,ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)


Dương Minh Thành

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
- (2) Tên cơ sở đào tạo.
- (3) Địa danh.



TS. Nguyễn Thị Minh Hồng